

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
(MECO JSC)

..... @

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 1 NĂM 2015

Báo cáo gồm có:

- 1. Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01-DN*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Mẫu số B02-DN*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ – Mẫu số B03-DN*
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2015



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Báo cáo lần 1

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.055.040.570.005	1.208.467.934.140
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.522.193.749	17.309.758.242
1. Tiền	111	V.01	1.522.193.749	17.309.758.242
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	542.013.400	1.616.628.900
1. Chứng khoán kinh doanh	121		634.362.977	1.814.050.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(92.349.577)	(197.421.100)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		659.897.006.932	696.995.542.729
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	393.746.780.693	428.927.618.670
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		83.432.101.813	83.936.702.337
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	194.460.442.250	196.673.539.546
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(11.972.001.096)	(12.772.001.096)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	229.683.272	229.683.272
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	392.077.442.091	491.247.462.121
1. Hàng tồn kho	141		478.718.993.959	577.889.013.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(86.641.551.868)	(86.641.551.868)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.001.913.833	1.298.542.148
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	84.110.475	94.195.786
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		917.803.358	1.204.346.362
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		807.831.572.595	801.486.328.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		28.684.655.323	31.138.905.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	28.684.655.323	31.138.905.097

- Nguyên giá	222		111.190.390.962	118.369.022.277
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(82.505.735.639)	(87.230.117.180)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	18.063.043.179	18.063.043.179
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.063.043.179	18.063.043.179
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	760.792.230.335	752.002.536.245
1. Đầu tư vào công ty con	251		228.913.655.382	223.136.828.292
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		505.831.372.953	505.831.372.953
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		61.087.824.939	61.607.824.939
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(35.040.622.939)	(38.573.489.939)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		291.643.758	281.843.758
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	291.643.758	281.843.758
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.862.872.142.600	2.009.954.262.419

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.288.605.268.547	1.446.442.756.162
I. Nợ ngắn hạn	310		920.917.007.552	1.078.754.495.167
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	140.652.683.257	179.797.688.833
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		54.100.320.470	164.426.639.540
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	31.238.056.112	24.285.597.926
4. Phải trả người lao động	314		418.766.885	1.201.971.671
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	57.451.441.327	55.049.615.787
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	216.277.811.920	205.959.834.228
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	409.190.611.048	436.024.030.649
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.587.316.533	12.009.116.533
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		367.688.260.995	367.688.260.995
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-

4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	366.938.260.995	366.938.260.995
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		750.000.000	750.000.000
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		574.266.874.053	563.511.506.257
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	574.212.346.122	563.451.609.590
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.760.736.532	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.760.736.532	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	54.527.931	59.896.667
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		54.527.931	59.896.667
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.862.872.142.600	2.009.954.262.419

Hà nội, ngày 15 tháng 05 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TỊCH HĐQT





NINH THỊ LUÂN

NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
 Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	146.534.693.703	118.994.643.418	146.534.693.703	118.994.643.418
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10		146.534.693.703	118.994.643.418	146.534.693.703	118.994.643.418
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	124.578.467.396	118.548.833.893	124.578.467.396	118.548.833.893
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		21.956.226.307	445.809.525	21.956.226.307	445.809.525
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	133.335.188	232.521.444	133.335.188	232.521.444
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	9.573.137.052	(4.762.179.485)	9.573.137.052	(4.762.179.485)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.955.043.625	1.283.797.708	12.955.043.625	1.283.797.708
8. Chi phí bán hàng	24	VI.08	34.492.758	40.393.308	34.492.758	40.393.308
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	376.219.219	769.444.337	376.219.219	769.444.337
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		12.105.712.466	4.630.672.809	12.105.712.466	4.630.672.809
11. Thu nhập khác	31	VI.06	651.078.592	1.560.028.249	651.078.592	1.560.028.249
12. Chi phí khác	32	VI.07		1.008.812.395		1.008.812.395
13. Lợi nhuận khác	40		651.078.592	551.215.854	651.078.592	551.215.854
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.756.791.058	5.181.888.663	12.756.791.058	5.181.888.663
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.996.054.526		1.996.054.526	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.760.736.532	5.181.888.663	10.760.736.532	5.181.888.663
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NINH THỊ LUÂN

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2015

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2015

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.756.791.058	5.181.888.663
2. Điều chỉnh cho các khoản			(11.282.760.008)	(3.161.055.844)
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		1.913.470.994	1.955.177.238
- Các khoản dự phòng	03		(4.437.938.523)	(6.058.843.185)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		228.953.914	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21.942.290.018)	(341.187.605)
- Chi phí lãi vay	06		12.955.043.625	1.283.797.708
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.474.031.050	2.020.832.819
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		40.491.521.901	41.122.455.933
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		99.170.020.030	(63.157.445.823)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(137.276.905.834)	173.209.445.595
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		285.311	(9.941.094)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		1.179.687.023	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.330.305.439)	(12.796.776.424)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(2.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(421.800.000)	(626.220.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.713.465.958)	137.762.351.006
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(478.146.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		25.016.630.450	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.776.827.090)	(15.414.105.398)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		520.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		19.759.803.360	(15.892.251.762)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		31.492.161.415	159.722.504.714
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(58.325.581.016)	(200.846.667.579)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(26.833.419.601)	(41.124.162.865)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50		(15.787.082.199)	80.745.936.379
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		17.309.758.242	6.842.939.779
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(482.294)	
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i>	70	31	1.522.193.749	87.588.876.158

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT






PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

NINH THỊ LUÂN

NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ chứa, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phục vữa, ximăng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thi nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mô địa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

-
- và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
 - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
 - Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
 - Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
 - Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
 - Môi giới bất động sản;
 - Định giá bất động sản;
 - Sàn giao dịch bất động sản;
 - Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
 - Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

- Công ty CP đầu tư thủy điện An pha
- Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO
- Công ty CP thủy điện Thác Xăng
- Công ty CP khoáng sản MECO
- Công ty CP Bất động sản MECO

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

- Công ty CP thủy điện Văn Chấn
- Công ty CP cơ điện và XD Hòa Bình
- Công ty CP XD thủy lợi MECO Sài Gòn
- Công ty CP cơ khí Văn Lâm
- Khu đô thị phía đông Văn Giang Hưng Yên

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và XD tại Thanh Hóa
- Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và XDVN (TP. Hà nội)
- Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và XDVN tại tỉnh Tuyên Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

7. Tuyên bố về khả năng so sánh của thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu đầu năm được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội và trong phạm vi có liên quan đã được phân loại lại phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC được Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2015 là năm tài chính thứ 10 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được lập vào cuối niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh to việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	4 – 6

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

9. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Riêng đối với công cụ dụng cụ được phân loại lại do không đủ tiêu chuẩn là Tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay nợ thuê tài chính được theo dõi theo kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ các trường hợp chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

17. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

25. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Báo cáo theo bộ phận: Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1- Tiền	Đơn vị tính: VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	844.288.285	335.758.676
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	677.905.464	16.973.999.566
Cộng	1.522.193.749	17.309.758.242

2- Các khoản đầu tư tài chính:

a) Chứng khoán kinh doanh:	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	634.362.977	542.013.400	(92.349.577)	1.814.050.000	1.616.628.900	(197.421.100)
+ Cổ phiếu Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành	634.362.977	542.013.400	(92.349.577)	1.814.050.000	1.616.628.900	(197.421.100)
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	292.112.977	286.000.000	(6.112.977)	1.471.800.000	1.375.500.000	(96.300.000)
- Tổng giá trị trái phiếu	342.250.000	256.013.400	(86.236.600)	342.250.000	241.128.900	(101.121.100)
- Các khoản đầu tư khác						
- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/ loại cổ phiếu, trái phiếu						

Trong kỳ Công ty đã bán 105.000 cổ phiếu Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành (TTF). Số lượng chứng khoán kinh doanh nắm giữ cuối kỳ như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
+ Cổ phiếu Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành	26.000	131.000
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	29.769	29.769

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b1) Ngắn hạn

b2) Dài hạn

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư vào công ty con				
+ Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	16.299.756	162.997.555.411	15.724.775	157.247.747.734
+ Công ty CP Đầu tư và PT Điện MECO	2.906.492	29.364.917.929	2.906.492	29.364.917.929
+ Công ty CP Thủy điện Thác Xăng	1.659.200	16.591.997.331	1.658.649	16.586.491.993
+ Công ty CP khoáng sản MECO	645.918	6.459.184.711	643.767	6.437.670.636
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Văn Lâm				
+ Công ty CP Bất động sản MECO	1.350.000	13.500.000.000	1.350.000	13.500.000.000
Cộng		228.913.655.382		223.136.828.292
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
+ Công ty CP Thủy điện Văn Chấn	27.500.000	316.334.580.000	27.500.000	316.334.580.000
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình	224.147	2.241.470.000	224.147	2.241.470.000
+ Công ty CP XD TL MECO Sài Gòn	420.724	4.207.240.000	420.724	4.207.240.000
+ Công ty CP Cơ khí Văn Lâm		8.048.082.953		8.048.082.953
+ BQL DA khu đô thị phía đông huyện Văn Giang		175.000.000.000		175.000.000.000
Cộng		505.831.372.953		505.831.372.953

- Đầu tư vào đơn vị khác

	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý
+ Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh	1.050.000.000		1.050.000.000	1.050.000.000		1.050.000.000
+ Công ty CP BP Tư vấn và đầu tư XD	1.800.000.000		1.800.000.000	1.800.000.000		1.800.000.000
+ Công ty CP AP MECO				520.000.000		520.000.000
+ Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái	2.790.000.000	(2.790.000.000)		2.790.000.000	(2.790.000.000)	
+ Công ty CP ĐT và PT Đô thị Long Giang	53.447.824.939	(32.250.622.939)	21.197.202.000	53.447.824.939	(33.783.489.939)	17.664.335.000
+ Công ty CP Kính Melita	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
Cộng	61.087.824.939	(35.040.622.939)	26.047.202.000	61.607.824.939	(38.573.489.939)	23.034.335.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ

Trong năm Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha là 5.749.807.677 đồng. Tại ngày kết thúc quý Công ty đã đầu tư 162.997.555.411 đồng, đạt tỷ lệ lợi ích thực tế 97,86 %

Trong năm Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty CP Thủy điện Thác Xăng là 5.505.338 đồng. Tại ngày kết thúc quý Công ty đã đầu tư 16.591.997.331 đồng, đạt tỷ lệ lợi ích thực tế 99,1 %

Trong năm Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty CP khoáng sản MECO là 21.514.075 đồng. Tại ngày kết thúc quý Công ty đã đầu tư 6.459.184.711 đồng, đạt tỷ lệ lợi ích thực tế 91,89 %

3- Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	393.746.780.693	428.927.618.670
b) Phải thu của khách hàng dài hạn		
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		

Công ty CP Bất động sản MECO

Phải thu về tiền điện nước	888.742.456	888.742.456
----------------------------	-------------	-------------

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải thu về tiền cho thuê nhà xưởng và thu khác	9.661.046.935	9.661.046.935
---	---------------	---------------

Công ty CP thủy điện Văn Chấn

Phải thu về tiền khối lượng thi công	1.708.215.973	1.708.215.973
--------------------------------------	---------------	---------------

4- Phải thu khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	194.460.442.250	-	196.673.539.546	-
- Tạm ứng	20.700.187.136		19.241.902.148	
- Ký cược, ký quỹ	75.650.000		172.600.853	
- Phải thu khác	173.684.605.114		177.259.036.545	
b) Dài hạn				
Cộng	194.460.442.250	-	196.673.539.546	-

5- Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Hàng tồn kho	214.713.849	214.713.849
b) Tài sản khác	14.969.423	14.969.423
Cộng	229.683.272	229.683.272

6- Nợ xấu	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	12.772.001.096	-	11.972.001.096	-

7- Hàng tồn kho	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi trên đường	206.225.606		1.016.686.736	
- Nguyên liệu, vật liệu	18.217.311.506		17.202.860.833	
- Công cụ, dụng cụ	84.858.818		84.858.818	
- Chi phí SX, KD dở dang	430.448.339.565	86.641.551.868	530.730.031.648	86.641.551.868
- Thành phẩm	94.598.520		94.598.520	
- Hàng hóa	29.549.140.649		28.641.458.139	
- Hàng gửi bán	118.519.295		118.519.295	
Cộng	478.718.993.959	86.641.551.868	577.889.013.989	86.641.551.868

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

8- Tài sản dở dang dài hạn

<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	Cuối kỳ	Đầu năm
- Mua sắm	1.223.229.426	1.223.229.426
- XDCB		
Dự án khu đất 3ha Văn Lâm - Hưng Yên	16.732.509.213	16.732.509.213
Dự án khu đô thị MECO - CITY	107.304.540	107.304.540
Cộng	18.063.043.179	18.063.043.179

9- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>21.950.370.129</i>	<i>81.439.096.361</i>	<i>14.612.534.865</i>	<i>367.020.922</i>	<i>118.369.022.277</i>
- Mua trong kỳ		49.875.000			-
- Đầu tư XDCB hoàn thành					-
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		(7.228.506.315)			(7.228.506.315)
- Giảm khác					-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>21.950.370.129</i>	<i>74.260.465.046</i>	<i>14.612.534.865</i>	<i>367.020.922</i>	<i>111.190.390.962</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>6.786.684.141</i>	<i>67.085.286.799</i>	<i>13.023.852.591</i>	<i>334.293.649</i>	<i>87.230.117.180</i>
- Khấu hao trong kỳ	296.172.801	1.361.051.337	257.979.228	3.636.364	1.918.839.730
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		(6.643.221.271)			(6.643.221.271)
- Giảm khác					-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>7.082.856.942</i>	<i>61.803.116.865</i>	<i>13.281.831.819</i>	<i>337.930.013</i>	<i>82.505.735.639</i>
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	15.163.685.988	14.353.809.562	1.588.682.274	32.727.273	31.138.905.097
- Tại ngày cuối kỳ	14.867.513.187	12.457.348.181	1.330.703.046	29.090.909	28.684.655.323

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

11.110.624.401
 42.193.504.781

10- Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

b) Dài hạn

- Các khoản khác

Cộng

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	84.110.475	94.195.786
- Các khoản khác	291.643.758	281.843.758
Cộng	375.754.233	376.039.544

11- Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	409.190.611.048	409.190.611.048	31.492.161.415	58.325.581.016	436.024.030.649	436.024.030.649
b) Vay dài hạn	366.938.260.995	366.938.260.995			366.938.260.995	366.938.260.995
<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>366.938.260.995</i>	<i>366.938.260.995</i>			<i>366.938.260.995</i>	<i>366.938.260.995</i>
<i>Trên 5 năm</i>						
Cộng	776.128.872.043	776.128.872.043	31.492.161.415	58.325.581.016	802.962.291.644	802.962.291.644

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

12- Phải trả người bán	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	140.652.683.257	140.652.683.257	179.797.688.833	179.797.688.833
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Cộng	140.652.683.257	140.652.683.257	179.797.688.833	179.797.688.833
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
<i>Công ty CP Bất động sản MECO</i>				
Phải trả tiền khối lượng thi công	12.149.428.751		19.226.651.291	
Phải trả tiền mua vật tư	169.022.700		169.022.700	
<i>Công ty CP Cơ khí Văn Lâm</i>				
Phải trả tiền khối lượng thi công	2.504.454.349		2.504.454.349	
<i>Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn</i>				
Phải trả tiền khối lượng thi công	495.167.376		1.249.571.973	
<i>Công ty CP đầu tư và PTĐT Long Giang</i>				
Phải trả tiền khối lượng thi công	13.219.371.169		13.219.371.169	
	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	21.807.739.219	5.793.519.165	193.698.306	27.407.560.078
- Thuế TNDN	(341.502.632)	1.348.224.985		1.006.722.353
- Thuế TNCN	230.028.276	4.412.342		234.440.618
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	153.303.911			153.303.911
- Các loại thuế khác	2.436.029.152	5.000.000	5.000.000	2.436.029.152
Cộng	24.285.597.926	7.151.156.492	198.698.306	31.238.056.112
b) Phải thu				
14- Chi phí phải trả			Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn				
- Chi phí lãi vay phải trả			38.720.138.738	39.095.400.552
- Lãi trái phiếu phải trả			794.698.889	794.698.889
- Chi phí công trình			16.316.203.427	13.539.116.073
- Chi phí hỗ trợ di dời			1.620.400.273	1.620.400.273
b) Dài hạn			57.451.441.327	55.049.615.787
Cộng				
15- Phải trả khác			Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn				
- Kinh phí công đoàn			706.997.132	776.600.526
- Bảo hiểm xã hội			1.107.982.926	774.261.452
- Bảo hiểm thất nghiệp			75.323.569	55.634.419
- Phải trả về cổ phần hoá			252.180.000	252.180.000
- Cổ tức loại nhuận phải trả			2.770.883.026	2.770.883.026
- Các khoản phải trả, phải nộp khác			211.364.445.267	201.330.274.805
Cộng			216.277.811.920	205.959.834.228
b) Dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

16- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	LNST chưa phân phối	Các khoản mục khác	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	575.100.000.000	169.300.618.000	28.817.258.755	(73.426.398.513)			(157.945.929.497)		541.845.548.745
- Lãi trong năm trước							21.606.060.845		21.606.060.845
- Bù lỗ kinh doanh bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần		(136.339.868.652)					136.339.868.652		
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay	575.100.000.000	32.960.749.348	28.817.258.755	(73.426.398.513)					563.451.609.590
- Lãi trong kỳ							10.760.736.532		10.760.736.532
Số dư cuối kỳ	575.100.000.000	32.960.749.348	28.817.258.755	(73.426.398.513)			10.760.736.532		574.212.346.122

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng

	Cuối kỳ	Đầu năm
	575.100.000.000	575.100.000.000
	575.100.000.000	575.100.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

	Năm nay	Năm trước
	575.100.000.000	575.100.000.000
	575.100.000.000	575.100.000.000

d) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

	Cuối kỳ	Đầu năm
	57.510.000	57.510.000
	57.510.000	57.510.000
	57.510.000	57.510.000
	5.460.000	5.460.000
	5.460.000	5.460.000
	52.050.000	52.050.000
	52.050.000	52.050.000

đ) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

e) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển

	Cuối kỳ	Đầu năm
	28.817.258.755	28.817.258.755

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán khác

17- Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

	Cuối kỳ	Đầu năm
	54.527.931	59.896.667

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

18- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	1.911,43	1.911,43
Đồng Euro (EUR)	360,90	360,90
b) Nợ khó đòi đã xử lý:	1.017.354.182	1.017.354.182
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
	Q1/2015	Q1/2014
1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng	5.555.374.646	106.803.642.144
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	17.345.127.102	11.511.168.674
- Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS	122.903.001.046	
- Doanh thu khác	731.190.909	679.832.600
Cộng	146.534.693.703	118.994.643.418
2- Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Q1/2015	Q1/2014
3- Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	5.307.426.250	106.523.550.511
- Giá vốn hoạt động xây dựng	17.089.511.862	11.479.499.583
- Giá vốn hoạt động kinh doanh BĐS	101.611.789.620	
- Giá vốn khác	569.739.664	545.783.799
Cộng	124.578.467.396	118.548.833.893
4- Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.522.211	55.716.525
- Lãi bán các khoản đầu tư	125.812.977	167.704.615
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		9.100.304
Cộng	133.335.188	232.521.444
5- Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	12.955.043.625	1.283.797.708
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	228.953.914	
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.637.938.523)	(6.058.843.185)
- Chi phí tài chính khác	27.078.036	12.865.992
Cộng	9.573.137.052	(4.762.179.485)
6- Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	651.078.592	1.350.000.000
- Lãi do đánh giá lại tài sản		210.028.249
Cộng	651.078.592	1.560.028.249
7- Chi phí khác		
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.008.812.395
Cộng		1.008.812.395
8 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
- Chi phí cho nhân viên	678.114.764	509.991.618
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.697.454	25.490.090
- Chi phí đồ dùng văn phòng	40.837.310	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.309.033	3.516.399
- Thuế phí và lệ phí	5.000.000	4.000.000
- Chi phí dự phòng	(800.000.000)	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.274.045	157.579.552
- Chi phí bằng tiền khác	181.986.613	68.866.678
Cộng	376.219.219	769.444.337

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

- Chi phí cho nhân viên	8.818.960	33.498.862
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.844.069	6.894.446
- Chi phí bằng tiền khác	829.729	
Cộng	34.492.758	40.393.308

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(800.000.000)	

9- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Q1/2015	Q1/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.462.996.365	4.365.721.155
- Chi phí nhân công	254.517.070	2.445.109.741
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.913.470.994	1.955.177.238
- Chi phí máy thi công	1.465.148.629	157.105.089
- Chi phí sản xuất chung	23.088.612.063	71.930.212.007
Cộng	29.184.745.121	80.853.325.230

10- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Q1/2015	Q1/2014
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.756.791.058	5.181.888.663
Trong đó		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản	9.072.975.119	
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	3.683.815.939	5.181.888.663
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(172.197.701.579)	(180.464.009.677)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	(172.197.701.579)	(180.464.009.677)
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(172.197.701.579)	(180.464.009.677)
Lỗi từ các năm trước chuyển sang	(159.440.910.521)	(175.282.121.014)
- Tổng thu nhập chịu thuế		
Trong đó:		
Hoạt động kinh doanh bất động sản	9.072.975.119	
Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(168.513.885.640)	(175.282.121.014)
- Thuế suất thuế TNDN	22%	
- Thuế TNDN phải nộp	1.996.054.526	

VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	Kỳ này
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	31.492.161.415
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	58.325.581.016

VIII. Những thông tin khác

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Q1/2015	Q1/2014
Tiền lương	248.643.632	221.606.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	29.236.680	28.485.270
Cộng	277.880.312	250.091.270

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha
 Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện MECO
 Công ty CP Thủy điện Thác Xăng
 Công ty CP Khoáng sản MECO
 Công ty CP Bất động sản MECO
 Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình
 Công ty CP Thủy điện Văn Chấn
 Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn
 Công ty CP Cơ khí Văn Lâm
 Công ty CP Đầu tư và PTĐT Long Giang

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty có ủy viên HĐQT làm Chủ tịch
 HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

Công ty CP Đầu tư và PTĐT Long Giang	Kỳ này
Phải thu về tiền thí nghiệm	20.406.000

Công ty CP Bất động sản MECO	Kỳ này
Phải thu về tiền thí nghiệm	4.935.455

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Bất động sản MECO		
Ứng trước tiền thi công	20.356.963.739	20.351.534.739
Phải thu về tiền điện nước	888.742.456	888.742.456

Công ty CP Thủy điện Văn Chấn		
Phải thu về tiền khối lượng thi công	1.708.215.973	1.708.215.973

Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn		
Ứng trước tiền thi công	245.595.403	

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm		
Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác	9.661.046.935	9.661.046.935
Cộng nợ phải thu	32.860.564.506	32.609.540.103

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng		
Ứng trước tiền thi công	2.582.367.991	2.582.367.991

Công ty CP Bất động sản MECO		
Ứng trước tiền hàng	684.750.215	684.750.215
Phải trả tiền hàng	169.022.700	169.022.700
Phải trả tiền thi công	12.149.428.751	19.226.651.291

Công ty CP Thủy điện Văn Chấn		
Ứng tiền thi công công trình	13.376.513	13.376.513

Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn		
Phải trả các khoản khác	9.900.149	9.900.149
Phải trả tiền thi công	495.167.376	1.249.571.973

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm		
Phải trả tiền thi công	2.504.454.349	2.504.454.349

Công ty CP Đầu tư và PTĐT Long Giang		
Phải trả tiền thi công	13.219.371.169	13.219.371.169

Cộng nợ phải trả	31.827.839.213	39.659.466.350
-------------------------	-----------------------	-----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Kỳ này					
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.345.127.102	5.555.374.646	122.903.001.046	731.190.909	146.534.693.703
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa bộ phận					
Tổng DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.345.127.102	5.555.374.646	122.903.001.046	731.190.909	146.534.693.703
Chi phí bộ phận	17.089.511.862	5.341.543.824	101.612.164.804	945.958.883	124.989.179.373
KQKD theo bộ phận	255.615.240	213.830.822	21.290.836.242	(214.767.974)	21.545.514.330
CP không phân bổ theo bộ phận					21.545.514.330
Lợi nhuận từ hoạt động KD					133.335.188
Doanh thu hoạt động tài chính					9.573.137.052
Chi phí tài chính					651.078.592
Thu nhập khác					
Chi phí khác					1.996.054.526
Chi phí thuế TNDN hiện hành					
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					10.760.736.532
Lợi nhuận sau thuế TNDN					
Tổng CP phát sinh mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					49.875.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP trả trước dài hạn					1.918.839.730

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	887.866.733.420	326.029.724.481	589.455.912.933	59.519.771.766	1.862.872.142.600
Các tài sản không phân bổ theo BP					
Tổng tài sản	887.866.733.420	326.029.724.481	589.455.912.933	59.519.771.766	1.862.872.142.600
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	670.016.583.837	300.056.860.291	308.143.541.621	10.388.282.798	1.288.605.268.547
Nợ phải trả không phân bổ theo BP					
Tổng nợ phải trả	670.016.583.837	300.056.860.291	308.143.541.621	10.388.282.798	1.288.605.268.547
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	891.744.557.525	341.255.099.672	697.567.362.096	79.387.243.126	2.009.954.262.419
Các tài sản không phân bổ theo BP					
Tổng tài sản	891.744.557.525	341.255.099.672	697.567.362.096	79.387.243.126	2.009.954.262.419
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	679.303.494.869	349.884.907.867	413.675.578.685	3.578.774.741	1.446.442.756.162
Nợ phải trả không phân bổ theo BP					
Tổng nợ phải trả	679.303.494.869	349.884.907.867	413.675.578.685	3.578.774.741	1.446.442.756.162

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và Kế toán Hà nội và trong phạm vi có liên quan đã được phân loại lại phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC được Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

6- Thông tin về hoạt động liên tục

7- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý I năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014.

Kết quả sản xuất kinh doanh Q1 năm 2015 tăng 5.578.847.869 VND so với cùng kỳ năm 2014 chủ yếu là do lợi nhuận từ Dự án Khu nhà ở cao tầng, văn phòng và hạ tầng kỹ thuật trường học tại 102 Trường Chinh, Đống Đa, Hà nội.

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NINH THỊ LUÂN



NGUYỄN NGỌC BÌNH